TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 7 - 2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Lê Hồng Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà : Đặng Thị Thu.
Ông: Dương Đức Bản.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 61/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị D, sinh năm: 1979; nơi ĐKHK: Tổ dân phố x M, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú hiện nay: TDP 3 P, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Dương Thế T, sinh năm: 1974; nơi ĐKHK và cư trú: Tổ dân phố x M, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/2/2020, bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn chị Đặng Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Dương Thế T đăng ký kết hôn vào ngày 02/7/1999, tại UBND xã N, TP. Đ, Quảng Bình, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đươc 5-6 năm, nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cách sống, tính cách trái ngược nhau, không cùng chung quan điểm dẫn đến vợ chồng cải vả, xúc phạm nhau, anh T nhiều lần đánh

đấp chị tàn nhẫn. Mặc dù chị cũng đã cố gắng níu kéo gia đình nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng thêm, vợ chồng sống ly thân đã lâu; từ đầu năm 2020 đến nay chị D về bên nhà ngoại ở, mỗi người sống mỗi nơi không ai quan tâm đến nhau. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung cháu Dương Tuyết H, sinh ngày: 06/01/2000, cháu Dương Thùy Yến V, sinh ngày: 07/7/2007 và cháu Dương Thế Quang T, sinh ngày 14/12/2008. Sau ly hôn nguyện vọng chị D xin nuôi cháu V và giao anh T nuôi cháu T, hai bên không ai đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị D và anh T tự thỏa thuận về chia tài sản chung, nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong bản tự khai ngày 23/3/2020, biên bản hòa giải ngày 28/4/2020, bị đơn anh Dương Thế T trình bày: Về quá trình tìm hiểu, ngày, tháng, năm và nơi kết hôn đúng như chị D đã trình bày, vợ chồng kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đầu năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do anh T làm ăn thua lỗ, kinh tế vợ chồng khó khăn dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng quan điểm thậm chí vợ chồng cải vả, xúc phạm nhau. Mặc dù vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng có thể khắc phục được. Nguyên vọng anh T xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Anh T đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho anh về mặt thời gian khoảng 20 ngày để vợ chồng về bàn bạc chuyện gia đình và có phương án giải quyết.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị D đã khai, nếu ly hôn thì nguyện vọng anh T xin nuôi cháu V và cháu T và không yêu cầu chị D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi các con. Riêng cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận về chia tài sản chung, nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Đặng Thị D, đây là vụ án hôn nhân gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại TP. Đồng Hới nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Xét quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã đến Tòa tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất. Sau đó tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để hòa giải nhưng anh Tân đều vắng mặt không có lý do. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập bị đơn đến phiên toà đã được Toà án tống đạt hợp lệ, tại phiên toà ngày 24/6/2020 anh Dương Viết T vắng mặt lần thứ nhất nên Toà án đã hoãn phiên toà. Quyết định hoãn phiên toà có ấn định thời gian địa điểm mở lại phiên toà lần thứ hai đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn, tại phiên toà hôm nay anh T tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị D và anh Dương Viết T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Lẽ ra, anh chị phải biết thương yêu, chung thuỷ, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, vài năm gần đây vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khi vợ chồng có khó khăn về kinh tế thiếu sự chia sẻ trách nhiệm, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng căng thẳng, hai bên sống ly thân không ai quan tâm đến ai; chị D xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống hạnh phúc kiên quyết xin được ly hôn. Trong phiên hòa giải ngày 28/4/2020 anh T có nguyện vọng mong muốn vợ chồng trở lại đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con, đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho anh về mặt thời gian khoảng 20 ngày để vợ chồng về bàn bạc và tìm phương án giải quyết. Tuy nhiên, sau đó Tòa án triệu tập hòa giải để hai bên trở lại đoàn tụ, anh T lại bỏ mặc không đến Tòa để được hòa giải và không có biện pháp gì để níu kéo hạnh phúc, vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong đời sống. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho vợ chồng ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị D và anh T đều khai có 03 con chung cháu Dương Tuyết H, sinh ngày: 06/01/2000 hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Còn 02 cháu Dương Thùy Yến V, sinh ngày: 07/7/2007 và cháu Dương Thế Quang T, sinh ngày 14/12/2008. Sau ly hôn nguyện vọng chị D xin nuôi cháu V và giao anh T nuôi cháu T, hai bên không ai đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh T xin nuôi cả hai cháu V và T mà không yêu cầu chị Duyên cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng và điều kiện của hai bên thấy rằng nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau ly hôn là nguyện vọng chính đáng, thể hiện tình cảm trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái; được trực tiếp nuôi con vừa là quyền vừa là nghĩa vụ

của mỗi người. Hiện nay hai cháu Dương Thùy Yến V và cháu Dương Thế Quang T, đã lớn nên cần giao cho mỗi người nuôi một cháu sẽ đảm bảo mọi mặt và quyền lợi của các con hơn, ngược lại các cháu cũng có thể giúp đỡ bố mẹ khi bố mẹ ốm đau và trong công việc.

Hội đồng xét xử thấy đề nghị của chị D là phù hợp điều kiện hoàn cảnh thực tế và hoàn toàn phù hợp quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận giao cháu Dương Thùy Yến V cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Dương Thế Quang T cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Đặng Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị D được ly hôn anh Dương Thế T.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung. Cháu Dương Tuyết H, sinh ngày: 06/01/2000 hiện nay đã trưởng thành nên không giải quyết việc nuôi dưỡng.

Xử giao cháu Dương Thùy Yến V, sinh ngày: 07/7/2007 cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Dương Thế Quang T, sinh ngày 14/12/2008 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà giải quyết nên không xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; số tiền chị D phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng

án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Đồng Hới theo biên lai số AA/2017/ 0006370 ngày 04 tháng 3 năm 2020.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự.
- UBND xã N, Tp.Đ, QB;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hồng Sơn